

Số: ~~587~~ /QĐ-UBND

Hà Nội, ngày 01 tháng 02 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt chỉ tiêu và ban hành kế hoạch tuyển dụng công chức xã, phường, thị trấn thuộc thành phố Hà Nội năm 2018

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13/11/2008;

Căn cứ Nghị định số 112/2011/NĐ-CP ngày 05/12/2011 của Chính phủ về công chức xã, phường, thị trấn;

Căn cứ Thông tư số 06/2012/TT-BNV ngày 30/10/2012 của Bộ Nội vụ Hướng dẫn về chức trách, tiêu chuẩn cụ thể, nhiệm vụ và tuyển dụng công chức xã, phường, thị trấn;

Căn cứ Quyết định số 20/2014/QĐ-UBND ngày 16/5/2014 của UBND thành phố Hà Nội ban hành kèm theo Quy chế tuyển dụng công chức xã, phường, thị trấn trên địa bàn thành phố Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 15/2017/QĐ-UBND ngày 13/4/2017 của UBND thành phố Hà Nội ban hành Quy định về phân cấp quản lý tổ chức bộ máy, cán bộ, công chức, lao động hợp đồng trong các cơ quan hành chính thuộc thành phố Hà Nội;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ thành phố Hà Nội tại Tờ trình số 117/TTr-SNV ngày 16/01/2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt chỉ tiêu tuyển dụng công chức cấp xã năm 2018 là 655 người, trong đó:

- Văn phòng - Thống kê: 154
- Địa chính - Xây dựng: Lĩnh vực Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường (đối với phường, thị trấn) là 60; Lĩnh vực Địa chính - Xây dựng - Nông nghiệp - Môi trường (đối với xã) là 63.
- Tài chính - Kế toán: 151
- Tư pháp - Hộ tịch: 130
- Văn hóa - Xã hội: Lĩnh vực Văn hóa là 44; Lĩnh vực Lao động thương binh xã hội là 53.

(có biểu chi tiết về chỉ tiêu kèm theo).

Điều 2. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch tuyển dụng công chức xã, phường, thị trấn thuộc thành phố Hà Nội năm 2018.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND Thành phố; Giám đốc các Sở: Nội vụ, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Tư pháp, Văn hóa - Thể thao, Lao động Thương binh và Xã hội; Công an thành phố Hà Nội; Chánh Thanh tra thành phố Hà Nội; Chủ tịch UBND quận, huyện, thị xã có chỉ tiêu tuyển dụng, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch UBND Thành phố (để b/c);
- Phó Chủ tịch UBND Thành phố: Nguyễn Văn Sửu;
- VP UBNDTP: Các PCVP: Phạm Chí Công, NC, KGVX, TKBT, *a*
- Website: *hanoi.gov.vn*;
- Website: *sonoivu.hanoi.gov.vn*;
- Lưu: VT, SNV (CCVC).



Nguyễn Văn Sửu

KẾ HOẠCH

**Tuyển dụng công chức xã, phường, thị trấn
thuộc thành phố Hà Nội năm 2018**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: ~~587~~ /QĐ-UBND ngày 01 tháng 02 năm 2018
của UBND thành phố Hà Nội)*

Căn cứ vào định biên và nhu cầu tuyển dụng công chức xã, phường, thị trấn của các quận, huyện, thị xã;

Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội ban hành Kế hoạch tuyển dụng công chức xã, phường, thị trấn (gọi chung là cấp xã), thuộc thành phố Hà Nội năm 2018 như sau:

I. Mục đích, yêu cầu

- Tuyển dụng đội ngũ công chức cấp xã đảm bảo các yêu cầu về chất lượng, số lượng, đảm bảo cơ cấu chức danh công chức cấp xã, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của công chức cấp xã.

- Việc tuyển dụng công chức cấp xã đảm bảo công khai, khách quan, công bằng, dân chủ và đúng quy định của pháp luật.

II. Điều kiện, tiêu chuẩn dự tuyển công chức cấp xã

1. Có một quốc tịch là quốc tịch Việt Nam;

2. Tuổi dự tuyển: đủ 18 tuổi trở lên;

3. Có đơn đăng ký dự tuyển;

4. Có lý lịch rõ ràng;

5. Có đủ văn bằng, chứng chỉ phù hợp với vị trí cần tuyển, cụ thể:

a) Yêu cầu chung về trình độ đào tạo, ngành, chuyên ngành phù hợp với yêu cầu của chức danh công chức:

- Chức danh Văn phòng - Thống kê: Có trình độ đào tạo chuyên môn từ Đại học trở lên, ngành hoặc chuyên ngành: Hành chính, Luật, Quản trị Văn phòng, Văn thư - Lưu trữ, Công nghệ thông tin.

- Chức danh Tài chính - Kế toán: Có trình độ đào tạo chuyên môn tốt nghiệp từ Đại học trở lên, ngành hoặc chuyên ngành: Kế toán, Tài chính, Tài chính - Ngân hàng.

- Chức danh Địa chính - xây dựng - đô thị và môi trường (đối với phường, thị trấn) hoặc Địa chính - nông nghiệp - xây dựng - môi trường (đối với xã): Có

trình độ đào tạo chuyên môn tốt nghiệp từ Đại học trở lên, ngành hoặc chuyên ngành: Địa chính, Quản lý đất đai (đối với lĩnh vực Địa chính, Nông nghiệp); Xây dựng, Kiến trúc, Môi trường (đối với lĩnh vực Xây dựng, Đô thị, Môi trường).

- Chức danh Tư pháp - Hộ tịch: Có trình độ đào tạo chuyên môn tốt nghiệp từ Đại học trở lên, ngành hoặc chuyên ngành về Luật.

- Chức danh Văn hóa - Xã hội: Có trình độ đào tạo chuyên môn tốt nghiệp từ Đại học trở lên, ngành hoặc chuyên ngành: Quản lý Văn hóa, Văn hóa học, Việt Nam học, Bảo tồn bảo tàng, Văn hóa - Du lịch, Sư phạm Ngữ văn, Sư phạm Sử (đối với lĩnh vực Văn hóa); Công tác xã hội, Quản trị nhân lực, Xã hội học, Quản lý nguồn nhân lực, Bảo trợ xã hội, Quản lý các vấn đề xã hội và chính sách xã hội (đối với lĩnh vực Lao động Thương binh và xã hội).

b) Trình độ tin học

- Có trình độ tin học tối thiểu đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin.

- Các chứng chỉ tin học ứng dụng A, B, C đã cấp có giá trị sử dụng tương đương với chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản (thực hiện theo quy định tại Điều 23 Thông tư liên tịch số 17/2016/TTLT-BGDĐT-BTTTT ngày 21/6/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Thông tin và Truyền thông quy định tổ chức thi và cấp chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin).

6. Có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt;

7. Đủ sức khỏe để thực hiện nhiệm vụ;

8. Những người sau đây không được đăng ký dự tuyển vào công chức cấp xã:

a) Không cư trú tại Việt Nam.

b) Mất hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự.

c) Đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự; đang chấp hành hoặc đã chấp hành xong bản án, quyết định về hình sự của Tòa án mà chưa được xóa án tích; đang bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở chữa bệnh, cơ sở giáo dục.

d) Đang hưởng chế độ hưu trí hoặc trợ cấp mất sức lao động.

đ) Những người thuộc đối tượng không được làm kế toán quy định tại Điều 52, Luật Kế toán năm 2015.

III. Hồ sơ đăng ký tuyển dụng

1. Đơn đăng ký dự tuyển công chức cấp xã;

Trường hợp người đăng ký dự tuyển là sỹ quan và quân nhân chuyên nghiệp trong quân đội và công an nhân dân Việt Nam, cán bộ, công chức, viên chức, nếu đăng ký dự tuyển công chức cấp xã phải được cơ quan có thẩm quyền quản lý, sử dụng theo phân cấp đồng ý bằng văn bản cho đi dự tuyển.

2. Bản sơ yếu lý lịch tự thuật có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền trong thời hạn 30 ngày, tính đến ngày nộp hồ sơ dự tuyển;

3. Bản sao giấy khai sinh;

4. Bản chụp các văn bằng, chứng chỉ và kết quả học tập theo yêu cầu của chức danh công chức cấp xã.

5. Giấy chứng nhận sức khỏe do cơ quan y tế có thẩm quyền cấp trong thời hạn 30 ngày, tính đến ngày nộp hồ sơ dự tuyển;

6. Giấy chứng nhận thuộc đối tượng ưu tiên trong thi tuyển công chức cấp xã (nếu có) được cơ quan có thẩm quyền chứng thực;

7. Bản sao sổ hộ khẩu thường trú;

8. Nộp 02 phong bì có dán tem ghi rõ địa chỉ của thí sinh; 2 ảnh 4x6 cm;

Hồ sơ được đựng trong túi bằng bìa cứng cỡ 24 cm x 32 cm có ghi danh mục các giấy tờ nộp và số điện thoại cần liên hệ.

Chỉ tiếp nhận hồ sơ của người đã được cấp bằng tốt nghiệp. Mỗi người chỉ được đăng ký dự tuyển tại một chức danh thuộc một đơn vị xã (phường, thị trấn) trong toàn Thành phố, người vi phạm sẽ không được dự tuyển hoặc bị huỷ kết quả tuyển dụng nếu đăng ký dự tuyển ở 02 vị trí trở lên.

IV. Đối tượng và điểm ưu tiên trong thi tuyển công chức cấp xã

1. Anh hùng Lực lượng vũ trang, Anh hùng Lao động, thương binh, bệnh binh, người hưởng chính sách như thương binh: được cộng 30 điểm vào tổng điểm thi tuyển;

2. Người dân tộc thiểu số, sĩ quan quân đội, sĩ quan công an, quân nhân chuyên nghiệp, người làm công tác cơ yếu dự thi, con liệt sĩ, con thương binh, con bệnh binh, con của người được hưởng chính sách như thương binh, con của người hoạt động cách mạng trước tổng khởi nghĩa (từ ngày 19 tháng 8 năm 1945 trở về trước), con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, con Anh hùng Lực lượng vũ trang, con Anh hùng Lao động: được cộng 20 điểm vào tổng điểm thi tuyển;

3. Người hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ phục vụ có thời hạn trong lực lượng công an nhân dân, nghĩa vụ dân quân tự vệ, đội viên thanh niên xung phong, đội viên trí thức trẻ tình nguyện tham gia phát triển nông thôn, miền núi từ 24 tháng trở lên; người có thời gian giữ chức danh hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn và tổ dân phố liên tục từ 03 năm trở lên: được cộng 10 điểm vào tổng điểm thi tuyển.

Trường hợp người dự tuyển thuộc nhiều diện ưu tiên ở các khoản 1, khoản 2, khoản 3 nêu trên thì chỉ được cộng một điểm ưu tiên cao nhất vào tổng điểm thi tuyển.

V. Hình thức, nội dung

1. Hình thức tuyển dụng công chức cấp xã: Thi tuyển

2. Nội dung thi tuyển công chức cấp xã

a) Môn thi, nội dung, hình thức thi

- Các môn thi và hình thức thi

+ Môn kiến thức chung: Thi viết 01 bài thời gian 120 phút về hệ thống chính trị, tổ chức bộ máy của Đảng, Nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội; quản lý hành chính nhà nước; chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về ngành, lĩnh vực tương ứng với chức danh công chức cần tuyển dụng.

+ Môn nghiệp vụ chuyên ngành: Thi viết 01 bài thời gian 120 phút và thi trắc nghiệm 01 bài về nghiệp vụ chuyên ngành theo yêu cầu của chức danh công chức cần tuyển dụng trên máy tính, thời gian 30 phút.

+ Môn tin học văn phòng: Thi trắc nghiệm trên máy tính, thời gian 30 phút theo yêu cầu của chức danh công chức cần tuyển dụng.

Người đăng ký dự tuyển công chức cấp xã nếu có bằng tốt nghiệp từ trung cấp chuyên ngành công nghệ thông tin trở lên thì được miễn thi môn tin học văn phòng.

- Nội dung ôn thi và tổ chức thi các môn do Sở Nội vụ hướng dẫn chung cho các thí sinh trong toàn Thành phố.

b) Cách tính điểm

- Bài thi được chấm theo thang điểm 100.

- Điểm các môn thi được tính như sau:

+ Môn kiến thức chung tính hệ số 1;

+ Môn nghiệp vụ chuyên ngành: Bài thi viết tính hệ số 2; bài thi trắc nghiệm tính hệ số 1;

+ Môn tin học văn phòng là môn điều kiện, tính hệ số 1 và không tính vào tổng điểm thi tuyển.

- Tổng điểm thi tuyển là tổng số điểm của các bài thi môn kiến thức chung và môn nghiệp vụ chuyên ngành tính theo hệ số cộng với điểm ưu tiên (nếu có).

c) Xác định người trúng tuyển

- Người trúng tuyển phải có đủ các điều kiện sau đây:

+ Có đủ bài thi của các môn thi;

+ Có điểm của mỗi bài thi đạt từ 50 điểm trở lên (kể cả điểm bài thi môn tin học văn phòng nếu không được miễn thi và điểm bài thi viết môn nghiệp vụ chuyên ngành chưa nhân hệ số 2);

+ Có tổng điểm thi tuyển cao hơn lấy theo thứ tự từ cao xuống thấp trong phạm vi chỉ tiêu tuyển dụng của từng chức danh công chức.

- Trường hợp có từ 02 người trở lên có tổng điểm thi tuyển bằng nhau ở chức danh công chức cần tuyển dụng thì xác định người trúng tuyển như sau: người có điểm bài thi viết môn nghiệp vụ chuyên ngành cao hơn là người trúng tuyển; nếu điểm bài thi viết môn nghiệp vụ chuyên ngành bằng nhau thì người có

điểm bài thi trắc nghiệm môn nghiệp vụ chuyên ngành cao hơn là người trúng tuyển; nếu vẫn chưa xác định được người trúng tuyển thì Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định người trúng tuyển.

- Không bảo lưu kết quả thi tuyển cho các kỳ thi tuyển lần sau.

d) Quy định về chấm phúc khảo bài thi viết:

- Không chấm phúc khảo đối với những bài đã chấm mẫu;
- Chấm phúc khảo thực hiện các Quy định như chấm lần đầu;
- Điểm chấm phúc khảo bài viết chênh lệch so với điểm chấm lần đầu từ 10 điểm trở xuống thì giữ nguyên điểm lần đầu;

- Điểm chấm phúc khảo bài viết chênh lệch so với điểm chấm lần đầu trên 10 điểm thì phải đối chất giữa các cặp giám khảo. Điểm sau khi đối chất thống nhất so với điểm chấm lần đầu nếu chênh lệch so với điểm chấm lần đầu từ 10 điểm trở xuống thì giữ nguyên điểm lần đầu, nếu chênh lệch so với điểm chấm lần đầu trên 10 điểm thì lấy kết quả điểm thống nhất sau đối chất.

VI. Thẩm quyền tuyển dụng

Việc tuyển dụng công chức cấp xã thuộc thẩm quyền UBND cấp huyện.

Do số lượng tuyển dụng toàn thành phố rất lớn và hầu hết các quận, huyện, thị xã đều có chỉ tiêu tuyển dụng nhưng số lượng không đồng đều. Để nâng cao chất lượng tuyển dụng, đảm bảo mặt bằng chất lượng công chức cơ sở và thống nhất chung trên toàn Thành phố, nhằm tiết kiệm thời gian, kinh phí, đảm bảo tính khách quan, công bằng, hạn chế các tiêu cực có thể xảy ra trong tuyển dụng, UBND Thành phố quy định việc thi tuyển công chức cấp xã thực hiện theo nội dung ôn tập, ngân hàng trắc nghiệm trên máy tính và bộ đề thi viết thống nhất chung trên toàn Thành phố.

VII. Trình tự thu nhận hồ sơ, tổ chức tuyển dụng

1. Thông báo và hướng dẫn chi tiết kế hoạch tuyển dụng viên chức trên Website của Sở Nội vụ, UBND quận, huyện, thị xã và trụ sở UBND xã, phường, thị trấn có chỉ tiêu sau khi UBND Thành phố ban hành Quyết định.

2. Thu nhận hồ sơ

- UBND quận, huyện, thị xã thành lập Ban thu hồ sơ để tiếp nhận hồ sơ, lệ phí theo quy định;

- Thời gian nhận hồ sơ: Sau khi có quyết định của UBND Thành phố, giao Sở Nội vụ hướng dẫn lịch cụ thể theo quy định;

- Địa điểm nhận hồ sơ: Do UBND quận, huyện, thị xã quy định;

3. Tổ chức thi tuyển

Sau khi chốt hồ sơ đăng ký dự tuyển, rà soát thông báo những người đủ điều kiện tham gia tuyển dụng, UBND quận, huyện, thị xã thành lập Hội đồng tuyển dụng; Hội đồng tuyển dụng thành lập các Ban giúp việc để thi tuyển theo lịch và hướng dẫn của Sở Nội vụ.

VIII. Kinh phí tổ chức thi tuyển, thời gian, địa điểm thi.

1. Kinh phí tổ chức thi tuyển

- Lệ phí thực hiện theo Thông tư số 228/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí tuyển dụng, dự thi nâng ngạch, thăng hạng công chức, viên chức

- Các khoản chi xây dựng nội dung ôn tập, hướng dẫn ôn tập, ngân hàng đề thi trắc nghiệm trên máy tính, bộ đề thi viết các môn trích từ lệ phí thi và nguồn ngân sách Thành phố giao cho Sở Nội vụ tại Quyết định số 8586/QĐ-UBND ngày 08/12/2017 của UBND thành phố Hà Nội về việc giao chỉ tiêu kế hoạch kinh tế - xã hội và dự toán thu, chi ngân sách năm 2018 của thành phố Hà Nội. Mức chi áp dụng theo Quyết định số 2347/QĐ-UBND ngày 25/5/2015 của UBND Thành phố về việc phê duyệt dự toán kinh phí tổ chức kỳ thi tuyển công chức hành chính năm 2015 của thành phố Hà Nội.

2. Thời gian, địa điểm tổ chức tuyển dụng:

Thời gian tổ chức tuyển dụng công chức cấp xã dự kiến vào quý I năm 2018. Địa điểm thi sẽ có thông báo sau.

IX. Tổ chức thực hiện

1. UBND quận, huyện, thị xã có chỉ tiêu tuyển dụng, có trách nhiệm thực hiện các nội dung sau :

a) Thông báo công khai, đúng thời gian, đầy đủ các nội dung tại trụ sở UBND quận, huyện, thị xã, UBND các xã, phường, thị trấn gồm: chỉ tiêu, điều kiện, tiêu chuẩn dự tuyển; nội dung, hình thức thi tuyển; thời gian, địa điểm nhận hồ sơ, lệ phí dự tuyển; thời gian, địa điểm tổ chức ôn tập; thời gian tổ chức thi theo hướng dẫn của Sở Nội vụ;

b) Chỉ đạo xét duyệt hồ sơ của người dự tuyển đảm bảo đúng điều kiện, tiêu chuẩn theo Quy định và Kế hoạch tuyển dụng công chức cấp xã năm 2018; thông báo công khai những người đủ, không đủ điều kiện, tiêu chuẩn; hoàn trả hồ sơ, lệ phí đối với người không đủ điều kiện, tiêu chuẩn dự tuyển;

c) Thành lập Hội đồng tuyển dụng công chức cấp xã từ 5 đến 7 người do 01 đồng chí lãnh đạo UBND cấp huyện làm Chủ tịch Hội đồng để tổ chức thực hiện tuyển dụng theo hướng dẫn chung.

d) Căn cứ kết quả báo cáo của Hội đồng tuyển dụng, Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định công nhận kết quả thi tuyển công chức xã; Quyết định tuyển dụng vào công chức cấp xã đối với thí sinh trúng tuyển theo đúng vị trí, chỉ tiêu đăng ký thi tuyển đồng thời bố trí cho thí sinh trúng tuyển tham gia đầy đủ các khóa bồi dưỡng chuyên môn theo quy định.

2. Hội đồng tuyển dụng công chức cấp xã của các quận, huyện, thị xã

a) Thành lập các Ban giúp việc để tổ chức thực hiện kế hoạch tuyển dụng công chức cấp xã.

b) Tổng hợp danh sách của các thí sinh đủ điều kiện, tiêu chuẩn đăng ký dự thi (theo mẫu quy định) gửi về Sở Nội vụ (file dữ liệu gửi về địa chỉ thư điện tử: *hovinhthanh@hanoi.gov.vn*) ngay sau khi chốt hồ sơ để tổng hợp kiểm tra dữ liệu thi của toàn Thành phố và sắp xếp ca thi, phòng thi các môn trắc nghiệm cho các Hội đồng tuyển dụng quận, huyện, thị xã;

c) Cử giám thị ban coi thi tham gia coi thi các môn trắc nghiệm trên máy tính và nhận kết quả thi trắc nghiệm ngay sau khi kết thúc ca thi của Hội đồng mình; tổ chức thi các môn thi viết; làm phách bài thi viết; bàn giao bài đã làm phách về Sở Nội vụ để chấm chung toàn Thành phố; nhận bài thi đã chấm; khớp phách bài thi viết; thông báo kết quả bài thi viết; tiếp nhận đơn phúc khảo bài thi viết, lập danh sách phúc khảo, đơn phúc khảo và bài đề nghị phúc khảo về Sở Nội vụ để tổ chức chấm phúc khảo; giải quyết khiếu nại, tố cáo trong thi tuyển công chức cấp xã theo Quy định.

d) Tổng hợp kết quả tuyển dụng, báo cáo Chủ tịch UBND quận, huyện, thị xã quyết định công nhận.

3. Sở Nội vụ

a) Giúp UBND Thành phố hướng dẫn UBND các quận, huyện, thị xã triển khai thực hiện Kế hoạch thi tuyển công chức cấp xã năm 2018.

b) Giao Sở Nội vụ chủ trì phối hợp các cơ quan liên quan thành lập các tổ công tác giúp UBND, Hội đồng thi tuyển quận, huyện, thị xã thực hiện việc:

- Tổng hợp danh sách những người đủ điều kiện thi tuyển công chức cấp xã do UBND quận, huyện, thị xã gửi;

- Xây dựng nội dung ôn tập, xây dựng ngân hàng câu hỏi đề thi trắc nghiệm, đề thi viết, cơ sở vật chất phần mềm thi trắc nghiệm và mời giám khảo để tổ chức chấm thi các bài thi viết tập trung;

- Hướng dẫn UBND quận, huyện, thị xã thực hiện việc tuyển dụng công chức xã theo Kế hoạch.

4. Sở Thông tin và Truyền thông

- Phối hợp với Sở Nội vụ, chỉ đạo Trung tâm Đào tạo công nghệ thông tin và truyền thông chuẩn bị cơ sở vật chất, máy tính, phòng thi và chịu trách nhiệm trước UBND Thành phố về việc xây dựng, áp dụng phần mềm thi các môn trắc nghiệm theo kế hoạch của Thành phố;

- Giúp Hội đồng thi tuyển công chức cấp xã của quận, huyện, thị xã tổ chức thi trắc nghiệm các môn trên máy tính đảm bảo chính xác và thông suốt trong quá trình tổ chức thực hiện.

5. Công an Thành phố

Phối hợp với Sở Nội vụ, UBND quận, huyện, thị xã xác minh bằng cấp, chứng chỉ chuyên môn đối với những người trúng tuyển kỳ thi để phòng ngừa việc sử dụng bằng giả.

Cử cán bộ, chiến sĩ Phòng PA83 tham gia Ban Giám sát của Thành phố.

6. Thanh tra thành phố Hà Nội

Chủ trì phối hợp với Sở Nội vụ, các sở ngành liên quan, tham mưu, trình UBND Thành phố quyết định thành lập Ban Giám sát để giám sát toàn bộ các khâu của quá trình tổ chức tuyển dụng.

7. Các Sở, Ngành, cơ quan, đơn vị có liên quan

Các Sở, ngành: Văn phòng UBND Thành phố, Sở Tài chính, Sở Xây dựng, Sở Tư pháp, Sở Văn hoá - Thể thao, Sở Tài nguyên - Môi trường, Sở Lao động Thương binh và Xã hội và các cơ quan, đơn vị có liên quan phối hợp với Sở Nội vụ chuẩn bị nội dung ôn tập các môn thi, ngân hàng đề thi, đáp án thi và các công tác khác trong tổ chức tuyển dụng.

Trên đây là Kế hoạch tuyển dụng công chức cấp xã, phường, thị trấn năm 2018. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị các cơ quan, đơn vị phản ánh về UBND Thành phố qua Sở Nội vụ để được xem xét và giải quyết. /.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Sửu

UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CHỈ TIÊU TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC CẤP XÃ NĂM 2018

((Kèm theo Quyết định số **587** /QĐ-UBND ngày **01** tháng **02** năm 2018 của UBND Thành phố))

STT	Xã, phường, thị trấn	TỔNG SỐ	Cụ thể về chỉ tiêu từng chức danh công chức cấp xã							Yêu cầu ngành, chuyên ngành đào tạo theo từng chức danh công chức cấp xã
			Văn phòng - Thống kê	Địa chính - Xây dựng		Tài chính - Kế toán	Tư pháp - Hộ tịch	Văn hóa - Xã hội		
				Lĩnh vực Địa chính	Lĩnh vực Xây dựng - NN - MT			Lĩnh vực Văn hóa	Lĩnh vực LĐ TBXH	
I	Hoàn Kiếm	47	17	6	2	16	3	1	2	
1	Phường Chương Dương	3	2	1						VP-TK: Luật học (01), Luật kinh tế (01); ĐC-XD: Quản lý đất đai.
2	Phường Cửa Đông	2		1		1				ĐC-XD: Quản lý đất đai; TC-KT: Kế toán.
3	Phường Cửa Nam	2	1			1				VP-TK: Hành chính học; TC-KT: Tài chính - Kế toán.
4	Phường Đồng Xuân	4		1		1	1		1	ĐC-XD: Quản lý đất đai; TC-KT: Tài chính - Ngân hàng - Bảo hiểm; TPHT: Luật học; VH-XH: Công tác
5	Phường Hàng Bạc	5	1		1	2	1			VP-TK: Luật; TC-KT: Kế toán; TPHT: Luật học; ĐC-XD: Kiến trúc.
6	Phường Hàng Bài	1	1							VP-TK: Công nghệ thông tin.
7	Phường Hàng Bồ	2	1			1				VP-TK: Hành chính học; TC-KT: Kế toán.
8	Phường Hàng Bông	3	1			1			1	VP-TK: Công nghệ thông tin; TC-KT: Kế toán; VH-XH: Quản trị nhân lực.
9	Phường Hàng Buồm	1	1							VP-TK: Hành chính học.
10	Phường Hàng Đào	3	2	1						VP-TK: Hành chính học (01), Quản lý nhà nước (01); ĐC-XD: Quản lý đất đai.
11	Phường Hàng Gai	2		1		1				TC-KT: Kế toán; ĐC-XD: Địa chính.
12	Phường Hàng Mã	3	1			2				VP-TK: Quản lý nhà nước; TC-KT: Kế toán (01), Tài chính - Ngân hàng (01).
13	Phường Hàng Trống	2	1			1				VP-TK: Hành chính; TC-KT: Kế toán.
14	Phường Lý Thái Tổ	2	1			1				VP-TK: Quản lý nhà nước; TC-KT: Tài chính - Ngân hàng.
15	Phường Phan Chu Trinh	3	1	1		1				VP-TK: Luật; ĐC-XD: Quản lý đất đai; TC-KT: Kế toán.

STT	Xã, phường, thị trấn	TỔNG SỐ	Cụ thể về chỉ tiêu từng chức danh công chức cấp xã						Yêu cầu ngành, chuyên ngành đào tạo theo từng chức danh công chức cấp xã	
			Văn phòng - Thống kê	Địa chính - Xây dựng		Tài chính - Kế toán	Tư pháp - Hộ tịch	Văn hóa - Xã hội		
				Lĩnh vực Địa chính	Lĩnh vực Xây dựng - NN - MT			Lĩnh vực Văn hóa		Lĩnh vực LĐ TBXH
16	Phường Phúc Tân	2	1			1				VP-TK: Công nghệ thông tin; TC-KT: Kế toán.
17	Phường Trần Hưng Đạo	4			1	1	1	1		TC-KT: Kế toán; TPHT: Luật quốc tế; ĐC-XD: Xây dựng dân dụng; VH-XH: Quản lý văn hóa.
18	Phường Tràng Tiền	3	2			1				VP-TK: Luật kinh tế (01), VP-TK: Luật (01); TC-KT: Kế toán.
II	Hai Bà Trưng	49	11	5	8	8	10	5	2	
1	Phường Lê Đại Hành	2			1		1			VP-TK: Hành chính, Luật, Quản trị Văn phòng, Văn thư - Lưu trữ, Công nghệ thông tin, Thống kê, Thống kê Kinh tế - xã hội. ĐC-XD: Địa chính, Quản lý đất đai (lĩnh vực Địa chính); Xây dựng, Kiến trúc, Đô thị, Môi trường (lĩnh vực Xây dựng); TC-KT: Tài chính, Kế toán, Tài chính - Ngân hàng. TP-HT: Luật. VH-XH: Quản lý Văn hóa, Văn hóa học, Việt Nam học, Bảo tồn bảo tàng, Văn hóa - Du lịch, tốt nghiệp Đại học Sư phạm: ngành Ngữ văn, ngành Sử (lĩnh vực Văn hóa); Công tác xã hội, Quản trị nhân lực, Xã hội học, Quản lý nguồn nhân lực, Bảo trợ xã hội, Quản lý các vấn đề xã hội và chính sách xã hội (lĩnh vực Lao động TBXH).
2	Phường Trương Định	1				1				
3	Phường Ngô Thị Nhậm	2		1			1			
4	Phường Đồng Tâm	3	1	1		1				
5	Phường Bách Khoa	3	2					1		
6	Phường Quỳnh Lôi	2		1		1				
7	Phường Minh Khai	3			1	1	1			
8	Phường Thanh Lương	2	1			1				
9	Phường Cầu Dền	4	1	1	1		1			
10	Phường Vĩnh Tuy	2				1		1		
11	Phường Bạch Đằng	4	1			1	1	1		
12	Phường Đồng Nhân	3			2		1			
13	Phường Quỳnh Mai	3	1				1		1	
14	Phường Thanh Nhàn	2		1			1			
15	Phường Nguyễn Du	2	1						1	
16	Phường Bạch Mai	4	1		1	1	1			
17	Phường Bùi Thị Xuân	2	1					1		
18	Phường Phố Huế	4	1		1		1	1		
19	Phường Đồng Mác	1			1					

STT	Xã, phường, thị trấn	TỔNG SỐ	Cụ thể về chỉ tiêu từng chức danh công chức cấp xã							Yêu cầu ngành, chuyên ngành đào tạo theo từng chức danh công chức cấp xã
			Văn phòng - Thống kê	Địa chính - Xây dựng		Tài chính - Kế toán	Tư pháp - Hộ tịch	Văn hóa - Xã hội		
				Lĩnh vực Địa chính	Lĩnh vực Xây dựng - NN - MT			Lĩnh vực Văn hóa	Lĩnh vực LĐ TBXH	
III	Ba Đình	47	12	4	6	8	9	4	4	
1	Phường Công Vị	4	2		1	1				VP-TK: 01 Luật; 01 Hành chính (Quản lý nhà nước); ĐC-XD: Xây dựng dân dụng công nghiệp; TC-KT: Kế toán.
2	Phường Điện Biên	5	1		1	1	1		1	VP-TK: Hành chính (Quản lý nhà nước); ĐC-XD: Công nghệ môi trường, Kiến trúc công trình; TC-KT: Tài chính ngân hàng; TP-HT: Luật; VH-XH: Công tác xã hội, Quản trị nhân lực, Xã hội học, Quản lý nguồn nhân lực, Bảo trợ xã hội, Quản lý các vấn đề xã hội và chính sách xã hội.
3	Phường Đội Cấn	5	1		1	1	1	1		VP-TK: Hành chính, ngành Luật; ĐC-XD: Kỹ thuật xây dựng, Kinh tế và quản lý đô thị; TC-KT: Kế toán; TP-HT: Luật; VH-XH: Quản lý văn hóa.
4	Phường Giảng Võ	3				1	1		1	TC-KT: Tài chính ngân hàng; TP-HT: Luật; VH-XH: Quản trị nhân lực.
5	Phường Kim Mã	4	1	1		1	1			VP-TK: Hành chính (Quản lý nhà nước); ĐC-XD: Quản lý đất đai; TC-KT: Kế toán; TP-HT: Luật.
6	Phường Liễu Giai	4	1			1			2	VP-TK: Hành chính học; TC-KT: Kế toán; VH-XH: Quản lý xã hội.
7	Phường Ngọc Hà	2	1					1		VP-TK: Hành chính học; VH-XH: Bảo tàng.
8	Phường Ngọc Khánh	2		1	1					ĐC-XD: 01 Quản lý đất đai; 01 Xây dựng dân dụng và công nghiệp.
9	Phường Nguyễn Trung	1	1							VP-TK: Hành chính (Quản lý nhà nước).
10	Phường Phúc Xá	4	1	1	1	1				VP-TK: Hành chính (Quản lý nhà nước); ĐC-XD: 01 Địa chính; 01 Kỹ thuật công trình xây dựng; TC-KT: Tài chính ngân hàng.

STT	Xã, phường, thị trấn	TỔNG SỐ	Cụ thể về chỉ tiêu từng chức danh công chức cấp xã							Yêu cầu ngành, chuyên ngành đào tạo theo từng chức danh công chức cấp xã
			Văn phòng - Thống kê	Địa chính - Xây dựng		Tài chính - Kế toán	Tư pháp - Hộ tịch	Văn hóa - Xã hội		
				Lĩnh vực Địa chính	Lĩnh vực Xây dựng - NN - MT			Lĩnh vực Văn hóa	Lĩnh vực LĐ TBXH	
11	Phường Quán Thánh	6	2	1			2	1		VP-TK: 01 Luật; 01 Hành chính (Quản lý nhà nước); ĐC-XD: Quản lý đất đai; TP-HT: Luật; VH-XH: Quản lý văn hóa.
12	Phường Thành Công	2				1	1			TC-KT: Kế toán; TP-HT: Luật.
13	Phường Vĩnh Phúc	5	1		1		2	1		VP-TK: Hành chính (Quản lý nhà nước); ĐC-XD: Xây dựng cầu đường; TP-HT: Luật; VH-XH: Quản lý văn hóa.
IV	Đống Đa	42	8	10	5	10	6	3	0	
1	Phường Cát Linh	2	1			1				VP-TK: Luật; TC-KT: Kế toán.
2	Phường Hàng Bột	3		2			1			ĐC-XD: Quản lý đất đai; TP-HT: Luật.
3	Phường Khâm Thiên	1						1		VH-XH: Văn hóa du lịch.
4	Phường Ô Chợ Dừa	1	1							VP-TK: Luật.
5	Phường Quốc Tử Giám	2		1			1			ĐC-XD: Quản lý Tài nguyên và Môi trường; TP-HT: Luật.
6	Phường Văn Chương	1			1					ĐC-XD: Kỹ thuật công trình xây dựng.
7	Phường Văn Miếu	1	1							VP-TK: Luật.
8	Phường Kim Liên	2			1	1				TC-KT: Kế toán; ĐC-XD: Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông.
9	Phường Nam Đồng	4	2			1		1		TC-KT: Kế toán; VH-XH: Văn hóa - Du lịch; VP-TK: Hành chính học.
10	Phường Phương Liên	3	1		1	1				TC-KT: Kế toán; ĐC-XD: Kỹ thuật Công trình XD; VP-TK: Luật.
11	Phường Phương Mai	3	1	1		1				TC-KT: Tài chính -Ngân hàng; ĐC-XD: Kiến trúc; VP-TK: Công nghệ Thông tin.
12	Phường Thổ Quan	2		1		1				TC-KT: Kế toán; ĐC-XD: Địa chính.
13	Phường Trung Phụng	5		1	1	1	2			TP-HT: Luật; ĐC-XD: Quản lý đất đai; Quản lý Tài nguyên và Môi trường; TC-KT: Tài chính - ngân hàng.
14	Phường Trung Tự	3	1			1	1			TP-HT: Luật; TC-KT: Tài chính- Ngân hàng VP-TK: Hành chính.

STT	Xã, phường, thị trấn	TỔNG SỐ	Cụ thể về chỉ tiêu từng chức danh công chức cấp xã							Yêu cầu ngành, chuyên ngành đào tạo theo từng chức danh công chức cấp xã
			Văn phòng - Thống kê	Địa chính - Xây dựng		Tài chính - Kế toán	Tư pháp - Hộ tịch	Văn hóa - Xã hội		
				Lĩnh vực Địa chính	Lĩnh vực Xây dựng - NN - MT			Lĩnh vực Văn hóa	Lĩnh vực LĐ TBXH	
15	Phường Khương Thượng	1						1		VH-XH: Quản lý văn hóa.
16	Phường Láng Thượng	1				1				TC-KT: Kế toán.
17	Phường Ngã Tư Sở	2		1			1			TP-HT: Luật; ĐC - XD: Quản lý đất đai.
18	Phường Quang Trung	1			1					ĐC-XD: Xây dựng dân dụng và Công nghiệp.
19	Phường Thịnh Quang	2		2						ĐC-XD: Quản lý đất đai.
20	Phường Trung Liệt	2		1		1				TC-KT: Kế toán; ĐC-XD: Quản lý đất đai.
V	Hoàng Mai	18	6	2	2	3	3	1	1	
1	Phường Hoàng Văn Thụ	1	1							VP-TK: Hành chính học.
2	Phường Giáp Bát	2			1	1				TC-KT: Kế toán; ĐC-XD: Quản lý xây dựng đô thị.
3	Phường Mai Động	5	1			1	3			VP-TK: Công nghệ thông tin; TC-KT: Kế toán; TP-HT: Luật.
5	Phường Tân Mai	2		1		1				TC-KT: Kế toán; ĐC-XD: Quản lý đất đai.
6	Phường Đại Kim	2						1	1	VH-XH: 01: Quản lý Văn hóa; 01: Công tác xã hội.
7	Phường Hoàng Liệt	1		1						ĐC-XD: Quản lý đất đai.
8	Phường Yên Sở	1	1							VP-TK: Lưu trữ học và Quản trị Văn phòng.
9	Phường Vĩnh Hưng	1	1							VP-TK: Công nghệ thông tin.
10	Phường Trần Phú	3	2		1					VP-TK: Luật, Công nghệ thông tin; ĐC-XD : Quản lý xây dựng đô thị.
VI	Long Biên	14	5	2	0	5	0	2	0	
1	Phường Cự Khối	1	1							VP-TK: Hành chính, Luật.
2	Phường Gia Thụy	2				1		1		TC-KT: Kế toán; VH-XH: Quản lý Văn hóa.
3	Phường Giang Biên	2	1			1				VP-TK: Luật, Hành chính; TC-KT: Kế toán.
4	Phường Phúc Đồng	1		1						ĐC-XD: Quản lý đất đai .
5	Phường Phúc Lợi	1	1							VP-TK: Luật, Hành chính.
6	Phường Sài Đồng	1	1							VP-TK: Luật.

STT	Xã, phường, thị trấn	TỔNG SỐ	Cụ thể về chỉ tiêu từng chức danh công chức cấp xã							Yêu cầu ngành, chuyên ngành đào tạo theo từng chức danh công chức cấp xã
			Văn phòng - Thống kê	Địa chính - Xây dựng		Tài chính - Kế toán	Tư pháp - Hộ tịch	Văn hóa - Xã hội		
				Lĩnh vực Địa chính	Lĩnh vực Xây dựng - NN - MT			Lĩnh vực Văn hóa	Lĩnh vực LĐ TBXH	
7	Phường Việt Hưng	3	1	1		1				VP-TK: Luật, Hành chính; ĐC-XD: Quản lý đất đai; TC-KT: Kế toán.
8	Phường Thạch Bàn	2				1		1		TC-KT: Kế toán; VH-XH: Quản lý văn hóa.
9	Phường Đức Giang	1				1				TC-KT: Kế toán.
VII	Nam Từ Liêm	49	22	5	8	6	5	1	2	
1	Phường Trung Văn	3	1		1	1				VP-TK: Hành chính; ĐC-XD: Môi trường; TC-KT: Kế toán.
2	Phường Tây Mỗ	4	2		1	1				VP-TK: 01 Hành chính; 01 Công nghệ thông tin; ĐC-XD: Xây dựng, Môi trường; TC-KT: Kế toán.
3	Phường Đại Mỗ	2	1			1				VP-TK: Hành chính; TC-KT: Kế toán, Tài chính - Ngân hàng.
4	Phường Cầu Diễn	3	1	1	1					VP-TK: Luật; ĐC-XD: 01 Quản lý đất đai; 01: Môi trường.
5	Phường Phú Đô	7	3	1	1	1		1		VP-TK: 01 Hành chính; 01 Luật; 01 Công nghệ thông tin; ĐC-XD: 01 Quản lý đất đai; 01: Xây dựng, Đô thị, Môi trường; TC-KT: Kế toán; VH-XH: Văn hóa - Du lịch.
6	Phường Mễ Trì	6	3		1	1			1	VP-TK: 01 Hành chính, Quản trị văn phòng; 01 Công nghệ thông tin; 01 Luật; ĐC-XD: Môi trường; TC-KT: Kế toán, Tài chính; VH-XH: Công tác xã hội, Quản trị nhân lực.
7	Phường Mỹ Đình 1	6	3	2			1			VP-TK: 01 Hành chính; 01 Luật; 01 Công nghệ thông tin; ĐC-XD: Địa chính, Quản lý đất đai.
8	Phường Mỹ Đình 2	7	3	1	1		2			VP-TK: 01 Luật, Quản trị văn phòng; 01 Văn thư - Lưu trữ, Thống kê; 01 Công nghệ thông tin; ĐC-XD: 01 Quản lý đất đai; 01 Xây dựng, Môi trường; TP-HT:
9	Phường Xuân Phương	5	2		1	1	1			VP-TK: 01 Quản trị văn phòng, Văn thư - Lưu trữ; 01 Công nghệ thông tin; ĐC-XD: Môi trường; TC-KT: Kế toán; TP-HT: Luật.

STT	Xã, phường, thị trấn	TỔNG SỐ	Cụ thể về chỉ tiêu từng chức danh công chức cấp xã							Yêu cầu ngành, chuyên ngành đào tạo theo từng chức danh công chức cấp xã
			Văn phòng - Thống kê	Địa chính - Xây dựng		Tài chính - Kế toán	Tư pháp - Hộ tịch	Văn hóa - Xã hội		
				Lĩnh vực Địa chính	Lĩnh vực Xây dựng - NN - MT			Lĩnh vực Văn hóa	Lĩnh vực LĐ TBXH	
10	Phường Phương Canh	6	3		1		1		1	VP-TK: 01 Hành chính, Luật; 01 Công nghệ thông tin; 01 Thống kê; ĐC-XD: Xây dựng, Đô thị, Môi trường; TP-HT: Luật; VH-XH : Công tác xã hội, Quản trị nhân lực.
VIII	Bắc Từ Liêm	58	15	5	7	13	10	3	5	
1	Phường Xuân Tảo	4	1		1	1			1	VP-TK: Luật; ĐC-XD: Xây dựng cầu đường; TC-KT: Kế toán; VH-XH: Quản trị nhân lực.
2	Phường Xuân Đình	5	2		1	1	1			VP-TK: 01: Luật; 01: Lưu trữ học và quản trị văn phòng; ĐC-XD: Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông; TC-KT: Tài chính ngân hàng; TP-HT: Luật.
3	Phường Đồng Ngạc	7	2		1	1	2		1	VP-TK: 01: Luật; 01: Quản lý hành chính công; ĐC-XD: Kiến trúc; TP-HT: Luật; TC-KT: Kế toán; VH-XH: Quản trị nhân lực.
4	Phường Đức Thắng	7		1	1	2	1	1	1	ĐC-XD: 01: Địa chính; 01: Kinh tế Xây dựng; TC-KT: Kế toán; TP-HT: Luật; VH-XH: 01: Quản trị nhân lực; 01: Văn hóa du lịch.
5	Phường Thụy Phương	5	1	1	1	1		1		VP-TK: Hành chính học; ĐC-XD: 01: Quản lý đất đai; 01: Kỹ thuật xây dựng công trình; TC-KT: Kế toán; VH-XH: Quản lý văn hóa.
6	Phường Liên Mạc	1	1							VP-TK: Hành chính học.
7	Phường Thượng Cát	4	1			1		1	1	VP-TK: Công nghệ thông tin; TC-KT: Kế toán; VH-XH: 01: Quản lý văn hóa; 01: Xã hội học.
8	Phường Tây Tựu	3	1		1		1			VP-TK: Luật; ĐC-XD: Xây dựng dân dụng và công nghiệp; TP-HT: Luật.
9	Phường Minh Khai	3		1		1	1			ĐC-XD: Quản lý đất đai; TC-KT: Tài chính - kế toán; TP-HT: Luật.

STT	Xã, phường, thị trấn	TỔNG SỐ	Cụ thể về chỉ tiêu từng chức danh công chức cấp xã							Yêu cầu ngành, chuyên ngành đào tạo theo từng chức danh công chức cấp xã
			Văn phòng - Thông kê	Địa chính - Xây dựng		Tài chính - Kế toán	Tư pháp - Hộ tịch	Văn hóa - Xã hội		
				Lĩnh vực Địa chính	Lĩnh vực Xây dựng - NN - MT			Lĩnh vực Văn hóa	Lĩnh vực LĐ TBXH	
10	Phường Phúc Diễn	5			1	2	2			ĐC-XD: Kỹ thuật công trình xây dựng; TC-KT: 01: Kế toán; 01: Tài chính- Ngân hàng; TP-HT: Luật.
11	Phường Phú Diễn	2	1			1				TC-KT: Tài chính- Ngân hàng; VP-TK: Luật.
12	Phường Cổ Nhuế 1	5	3	1			1			VP-TK: : 02 Luật; 01: Công nghệ thông tin; ĐC-XD: Địa chính ; TP-HT: Luật.
13	Phường Cổ Nhuế 2	7	2	1		2	1		1	VP-TK: 01: Luật; 01: Công nghệ thông tin; ĐC-XD: Quản lý đất đai; TC-KT: Tài chính- Ngân hàng; TP-HT: Luật; VH-XH: Quản trị nhân lực.
IX	Cầu Giấy	19	6	5	1	2	3	2	0	
1	Phường Nghĩa Tân	7	2	2			2	1		VP-TK: 01 Hành chính; 01 Công nghệ thông tin; ĐC-XD: 01 Quản lý đất đai, 01 Địa chính; TP-HT: Luật; VH-XH: Quản lý văn hóa.
2	Phường Dịch Vọng	1	1							VP-TK: Hành chính.
3	Phường Nghĩa Đô	3		2		1				ĐC-XD: 01: Địa chính, 01 Quản lý đất đai; TC-KT: Kế toán.
4	Phường Trung Hòa	4	1		1		1	1		VP-TK: Hành chính công; ĐC-XD: Xây dựng cầu đường; VH-XH: Quản lý văn hóa; TP-HT: Luật.
5	Phường Mai Dịch	1	1							VP-TK: Hành chính.
6	Phường Dịch Vọng Hậu	1	1							VP-TK: Hành chính.
7	Phường Yên Hòa	2		1		1				ĐC-XD: Quản lý đất đai; TC-KT: Kế toán.
X	Thanh Xuân	23	9	0	0	8	3	2	1	
1	Phường Thanh Xuân Bắc	1				1				TC-KT: Kế toán.
2	Phường Thanh Xuân Nam	3	2			1				VP-TK: 01 Hành chính, Luật; 01 Công nghệ thông tin; TC-KT: Kế toán.
3	Phường Thanh Xuân Trung	2	1						1	VP-TK: Hành chính, Lưu trữ học; VH-XH: Bảo trợ xã hội.
4	Phường Kim Giang	3	1			2				VP-TK: Hành chính; TC-KT: Kế toán.
5	Phường Hạ Đình	2				1		1		TC-KT: Kế toán; VH-XH: Quản lý văn hóa.

STT	Xã, phường, thị trấn	TỔNG SỐ	Cụ thể về chỉ tiêu từng chức danh công chức cấp xã							Yêu cầu ngành, chuyên ngành đào tạo theo từng chức danh công chức cấp xã
			Văn phòng - Thống kê	Địa chính - Xây dựng		Tài chính - Kế toán	Tư pháp - Hộ tịch	Văn hóa - Xã hội		
				Lĩnh vực Địa chính	Lĩnh vực Xây dựng - NN - MT			Lĩnh vực Văn hóa	Lĩnh vực LĐ TBXH	
6	Phường Khương Đình	4	1			1	1	1		TP-HT: Luật; TC-KT: Kế toán; VP-TK: Công nghệ thông tin; VH-XH: Quản lý văn hóa.
7	Phường Khương Trung	2	2							VP-TK: 01 Hành chính; 01 Văn thư - Lưu trữ.
8	Phường Khương Mai	1					1			TP-HT: Luật.
9	Phường Phương Liệt	1				1				TC-KT: Tài chính.
10	Phường Thượng Đình	2	2							VP-TK: 01 Hành chính học; 01 Văn thư Lưu trữ.
11	Phường Nhân Chính	2				1	1			TC-KT: Kế toán; TP-HT: Luật.
XI	Tây Hồ	15	0	1	2	7	2	1	2	
1	Phường Xuân La	4		1		1	1		1	ĐC-XD: Địa chính; TC-KT: Kế toán; TP-HT: Luật; VH-XH: Quản trị nhân lực, Xã hội học, Công tác xã hội.
2	Phường Yên Phụ	1				1				TC-KT: Kế toán, Tài chính-Ngân hàng.
3	Phường Tứ Liên	2			1	1				TC-KT: Kế toán, Tài chính-Ngân hàng; ĐC-XD: Môi trường.
4	Phường Bưởi	2			1	1				TC-KT: Kế toán, Tài chính-Ngân hàng; ĐC-XD: Xây dựng, Môi trường.
5	Phường Phú Thượng	3				1	1		1	VP-TK: Hành chính, Luật; TP-HT: Luật; VH-XH: Xã hội học.
6	Phường Nhật Tân	1				1				TC-KT: Kế toán, Tài chính-Ngân hàng.
7	Phường Quảng An	2				1		1		VP-TK: Hành chính, Luật; TC-KT: Kế toán; Tài chính-Ngân hàng; VH-XH: Văn hóa học, Quản lý văn hóa, Việt Nam học.
XII	Gia lâm	24	7	1	2	5	7	0	2	
1	Xã Trung Mầu	3	1				1		1	VP-TK: Hành chính; TP-HT: Luật; VH-XH: Công tác xã hội, Quản trị nhân lực.
2	Xã Đình Xuyên	1				1				TC-KT: Kế toán.
3	Xã Dương Hà	1				1				TC-KT: Kế toán.
4	Thị trấn Yên Viên	1			1					ĐC-XD: Kiến trúc.

STT	Xã, phường, thị trấn	TỔNG SỐ	Cụ thể về chỉ tiêu từng chức danh công chức cấp xã							Yêu cầu ngành, chuyên ngành đào tạo theo từng chức danh công chức cấp xã
			Văn phòng - Thông kê	Địa chính - Xây dựng		Tài chính - Kế toán	Tư pháp - Hộ tịch	Văn hóa - Xã hội		
				Lĩnh vực Địa chính	Lĩnh vực Xây dựng - NN - MT			Lĩnh vực Văn hóa	Lĩnh vực LĐ TBXH	
5	Thị trấn Trâu Quỳ	2			1	1				ĐC-XD: Xây dựng, kiến trúc, đô thị; TC-KT: Kế toán.
6	Xã Văn Đức	1					1			TP-HT: Luật.
7	Xã Bát Tràng	1	1							VP-TK: Luật.
8	Xã Đặng Xá	1	1							VP-TK: Luật.
9	Xã Phú Thị	2	1				1			TP-HT: Luật; VP-TK: Luật Kinh tế.
10	Xã Đa Tốn	1	1							VP-TK: Luật, Hành chính.
11	Xã Kiều Kỵ	2				1	1			TP-HT: Luật; TC-KT: Kế toán.
12	Xã Đông Dư	1					1			TP-HT: Luật.
13	Xã Dương Quang	3	1	1					1	VP-TK: Hành chính, Luật, Quản trị Văn phòng, Văn thư Lưu trữ, Công nghệ thông tin; ĐC-XD: Quản lý đất đai; VH-XH: Công tác xã hội, Quản trị nhân lực, Xã hội học.
14	Xã Kim Sơn	3	1			1	1			VP-TK: Luật kinh tế; TH-HT: Luật; TC-KT: Kế toán.
15	Xã Lệ Chi	1					1			TP-HT: Luật.
XIII	Đông Anh	8	1	0	0	7	0	0	0	
1	Xã Cổ Loa	1				1				TC-KT: Kế toán.
2	Xã Dục Tú	1				1				TC-KT: Kế toán.
3	Xã Đại Mạch	1	1							VP-TK: Luật.
4	Xã Nguyên Khê	1				1				TC-KT: Kế toán.
5	Xã Tiên Dương	1				1				TC-KT: Kế toán.
6	Thị trấn Đông Anh	1				1				TC-KT: Kế toán.
7	Xã Võng La	1				1				TC-KT: Kế toán.
8	Xã Xuân Nộn	1				1				TC-KT: Kế toán.
XIV	Sóc Sơn	30	2	2	2	10	9	1	4	
1	Xã Bắc Sơn	1							1	
2	Xã Nam Sơn	1					1			

STT	Xã, phường, thị trấn	TỔNG SỐ	Cụ thể về chỉ tiêu từng chức danh công chức cấp xã							Yêu cầu ngành, chuyên ngành đào tạo theo từng chức danh công chức cấp xã
			Văn phòng - Thống kê	Địa chính - Xây dựng		Tài chính - Kế toán	Tư pháp - Hộ tịch	Văn hóa - Xã hội		
				Lĩnh vực Địa chính	Lĩnh vực Xây dựng - NN - MT			Lĩnh vực Văn hóa	Lĩnh vực LĐ TBXH	
3	Xã Hồng kỳ	2				1		1		VP-TK: Hành chính, Luật, Quản trị Văn phòng, Văn thư - Lưu trữ, Công nghệ thông tin, Thống kê, Thống kê kinh tế - xã hội; ĐC-XD: Địa chính, Quản lý đất đai (lĩnh vực Địa chính); Xây dựng, Kiến trúc, Đô thị, Môi trường (lĩnh vực Xây dựng); TC-KT: Tài chính, Kế toán, Tài chính - Ngân hàng; TP-HT: Luật; VH-XH: Quản lý Văn hóa, Văn hóa học, Việt Nam học, Bảo tồn bảo tàng, Văn hóa - Du lịch, tốt nghiệp Đại học Sư phạm: ngành Ngữ văn, ngành Sử (lĩnh vực Văn hóa); Công tác xã hội, Quản trị nhân lực, Xã hội học, Quản lý nguồn nhân lực, Bảo trợ xã hội, Quản lý các vấn đề xã hội và chính sách xã hội (lĩnh vực Lao động, TBXH).
4	Xã Trung Giã	2	1			1				
5	Xã Tân Hưng	2		1					1	
6	Xã Phù Linh	3		1		1	1			
7	Xã Việt Long	1							1	
8	Xã Xuân Giang	2				1	1			
9	Xã Xuân Thu	1					1			
10	Xã Kim Lũ	2					1		1	
11	Xã Đông Xuân	2				1	1			
12	Xã Phú Minh	3	1			1	1			
13	Xã Phú Cường	1				1				
14	Xã Thanh Xuân	1				1				
15	Xã Tân Dân	1					1			
16	Xã Hiền Ninh	2			1		1			
17	Xã Quang Tiến	2			1	1				
18	Xã Mai Đình	1				1				
XV	Ba Vì	21	5	1	0	6	4	1	4	
1	Xã Khánh Thượng	1					1			
2	Xã Minh Quang	1					1			TP-HT: Luật.
3	Xã Tân Lĩnh	1	1							VP-TK: Hành chính, Luật, Quản trị văn phòng, Văn thư lưu trữ, Công nghệ thông tin, Thống kê, Thống kê kinh tế xã hội.
4	Xã Vân Hòa	2	1				1			VP-TK: Hành chính, Luật, Quản trị văn phòng, Văn thư lưu trữ, Công nghệ thông tin, Thống kê, Thống kê kinh tế xã hội; TP -HT: Luật.

STT	Xã, phường, thị trấn	TỔNG SỐ	Cụ thể về chỉ tiêu từng chức danh công chức cấp xã							Yêu cầu ngành, chuyên ngành đào tạo theo từng chức danh công chức cấp xã
			Văn phòng - Thống kê	Địa chính - Xây dựng		Tài chính - Kế toán	Tư pháp - Hộ tịch	Văn hóa - Xã hội		
				Lĩnh vực Địa chính	Lĩnh vực Xây dựng - NN - MT			Lĩnh vực Văn hóa	Lĩnh vực LĐ TBXH	
5	Xã Tòng Bạt	1	1							VP-TK: Hành chính, Luật, Quản trị văn phòng, Văn thư lưu trữ, Công nghệ thông tin, Thống kê, Thống kê kinh tế xã hội.
6	Xã Yên Bài	1				1				TC-KT: Kế toán, Tài chính, Tài chính - Ngân hàng.
7	Xã Phú Sơn	1					1			TP-HT: Luật.
8	Xã Cổ Đô	1							1	VH-XH: Công tác xã hội, quản trị nhân lực, xã hội học, Quản lý nguồn nhân lực, Bảo trợ xã hội, Quản lý các vấn đề về xã hội và chính sách xã hội.
9	Xã Cẩm Lĩnh	2				1			1	TC-KT: Kế toán, Tài chính, Tài chính - Ngân hàng; VH-XH: Công tác xã hội, quản trị nhân lực, xã hội học, Quản lý nguồn nhân lực, Bảo trợ xã hội, Quản lý các vấn đề về xã hội và chính sách xã hội.
10	Xã Tân Hồng	2				1			1	TC-KT: Kế toán, Tài chính, Tài chính - ngân hàng; VH-XH: Công tác xã hội, quản trị nhân lực, xã hội học, Quản lý nguồn nhân lực, Bảo trợ xã hội, Quản lý các vấn đề về xã hội và chính sách xã hội.
11	Xã Sơn Đà	1				1				TC-KT: Kế toán, Tài chính , Tài chính- ngân hàng.
12	Xã Châu Sơn	1	1							VP-TK: Hành chính, Luật, Quản trị Văn phòng, Văn thư, lưu , Công nghệ thông tin, Thống kê, Thống kê kinh tế- xã hội.
13	Xã Minh Châu	1							1	VH-XH: Công tác xã hội, quản trị nhân lực, xã hội học, Quản lý nguồn nhân lực, Bảo trợ xã hội, Quản lý các vấn đề về xã hội và chính sách xã hội.
14	Xã Thụy An	1						1		VH-XH: Quản lý văn hóa, Văn hóa học, Việt Nam học, Bảo tồn Bảo tàng, Văn hóa - Du lịch.
15	Xã Tiên Phong	1		1						ĐC-XD: Quản lý đất đai, Địa chính.
16	Xã Tây Đằng	1				1				TC-KT: Kế toán, Tài chính, Tài chính - Ngân hàng.
17	Xã Vạn Thắng	1				1				TC-KT: Kế toán, Tài chính, Tài chính - Ngân hàng.

STT	Xã, phường, thị trấn	TỔNG SỐ	Cụ thể về chỉ tiêu từng chức danh công chức cấp xã							Yêu cầu ngành, chuyên ngành đào tạo theo từng chức danh công chức cấp xã
			Văn phòng - Thống kê	Địa chính - Xây dựng		Tài chính - Kế toán	Tư pháp - Hộ tịch	Văn hóa - Xã hội		
				Lĩnh vực Địa chính	Lĩnh vực Xây dựng - NN - MT			Lĩnh vực Văn hóa	Lĩnh vực LĐ TBXH	
18	Xã Phú Cường	1	1							VP-TK: Hành chính, Luật, Quản trị văn phòng, Văn thư lưu trữ, Công nghệ thông tin, Thống kê, Thống kê kinh tế xã hội.
XVI	Sơn Tây	16	1	1	2	0	7	1	4	
1	Phường Quang Trung	2		1			1			ĐC-XD: Quản lý đất đai, Địa chính; TP-HT: Luật.
2	Phường Ngô Quyền	2					1	1		TP-HT; Luật; VH-XH: Quản lý văn hóa.
3	Phường Trung Hưng	1							1	VH-XH: Công tác xã hội, quản trị nhân lực, xã hội học, Quản lý nguồn nhân lực, Bảo trợ xã hội, Quản lý các vấn đề về xã hội và chính sách xã hội.
4	Phường Viên Sơn	1					1			TP-HT: Luật.
5	Phường Sơn Lộc	2					1		1	TP-HT: Đại học Luật; VH-XH: Công tác xã hội, quản trị nhân lực, xã hội học, Quản lý nguồn nhân lực, Bảo trợ xã hội, Quản lý các vấn đề về xã hội và chính sách xã hội.
6	Phường Xuân Khanh	2					1		1	TP-HT: Luật; VH-XH: Công tác xã hội, quản trị nhân lực, xã hội học, Quản lý nguồn nhân lực, Bảo trợ xã hội, Quản lý các vấn đề về xã hội và chính sách xã hội.
7	Xã Đường Lâm	1							1	VH-XH: Công tác xã hội, quản trị nhân lực, xã hội học, Quản lý nguồn nhân lực, Bảo trợ xã hội, Quản lý các vấn đề về xã hội và chính sách xã hội.
8	Xã Xuân Sơn	1					1			TP-HT: Luật.
9	Xã Thanh Mỹ	2			1		1			ĐC-XD: Công nghệ môi trường; TP-HT: Luật.
10	Xã Kim Sơn	1			1					ĐC-XD: Công nghệ môi trường.
11	Xã Cổ Đông	1	1							VP-TK: Công nghệ thông tin.
XVII	Quốc Oai	6	0	0	2	2	0	1	1	
1	Xã Đồng Quang	1				1				TC-KT: Tài chính, Kế toán, Tài chính - Ngân hàng.
2	Xã Hòa Thạch	1							1	VH-XH: Công tác xã hội, Quản trị nhân lực, Xã hội học, Quản lý nguồn nhân lực, Bảo trợ xã hội, Quản lý các vấn đề về xã hội và chính sách xã hội; TP-HT: Luật.

STT	Xã, phường, thị trấn	TỔNG SỐ	Cụ thể về chỉ tiêu từng chức danh công chức cấp xã							Yêu cầu ngành, chuyên ngành đào tạo theo từng chức danh công chức cấp xã
			Văn phòng - Thống kê	Địa chính - Xây dựng		Tài chính - Kế toán	Tư pháp - Hộ tịch	Văn hóa - Xã hội		
				Lĩnh vực Địa chính	Lĩnh vực Xây dựng - NN - MT			Lĩnh vực Văn hóa	Lĩnh vực LĐ TBXH	
3	Xã Tân Hòa	1			1					ĐC-XD: Xây dựng, Kiến trúc, Đô thị, Môi trường.
4	Xã Cộng Hòa	1				1				TC-KT: Tài chính, Kế toán, Tài chính - Ngân hàng.
5	Xã Phú Mãn	1						1		VH-XH: Quản lý Văn hóa, Văn hóa học, Việt Nam học, Bảo tồn bảo tàng, Văn hóa - Du lịch, tốt nghiệp Đại học Sư phạm: ngành Ngữ văn, ngành Sử.
6	Xã Liệp Tuyết	1			1					ĐC-XD: Xây dựng, Kiến trúc, Đô thị, Môi trường.
XVIII	Đan Phượng	5	3	0	2	0	0	0	0	
1	Xã Đan Phượng	1			1					ĐC-XD: Xây dựng, Môi trường.
2	Xã Phương Đình	1	1							VP-TK: Quản trị Văn phòng, Công nghệ thông tin.
3	Xã Hồng Hà	1			1					ĐC-XD: Xây dựng, Kiến trúc, Đô thị, Môi trường.
4	Xã Thọ An	1	1							VP-TK: Quản trị Văn phòng, Công nghệ thông tin.
5	Xã Thượng Mỗ	1	1							VP-TK: Công nghệ thông tin.
XIX	Phú Xuyên	22	7	0	0	1	10	0	4	
1	Xã Châu Can	1					1			TP-HT: Luật.
2	Xã Đại Xuyên	1					1			TP-HT: Luật.
3	Xã Hoàng Long	3	1			1			1	VP-TK: Hành chính, Luật, Quản trị Văn phòng, Văn thư - Lưu trữ, Công nghệ Thông tin, Thống kê; TC-KT: Kế toán, Tài chính, Tài chính- Ngân hàng; VH-XH: Công tác xã hội, Quản trị nhân lực, Xã hội học Bảo trợ xã hội, Quản lý nguồn nhân lực, Quản lý các vấn đề xã hội và chính sách xã hội.
4	Xã Minh Tân	1	1							VP-TK: Hành chính, Luật, Quản trị Văn phòng, Văn thư - Lưu trữ, Công nghệ Thông tin, Thống kê.
5	Xã Phú Túc	1							1	VH-XH: Công tác xã hội, Quản trị nhân lực, Xã hội học Bảo trợ xã hội, Quản lý nguồn nhân lực, Quản lý các vấn đề xã hội và chính sách xã hội.
6	Xã Tri Thủy	2	1				1			VP-TK: Hành chính, Luật, Quản trị Văn phòng, Văn thư - Lưu trữ, Công nghệ Thông tin, Thống kê; TP-HT: Luật.

STT	Xã, phường, thị trấn	TỔNG SỐ	Cụ thể về chỉ tiêu từng chức danh công chức cấp xã							Yêu cầu ngành, chuyên ngành đào tạo theo từng chức danh công chức cấp xã
			Văn phòng - Thống kê	Địa chính - Xây dựng		Tài chính - Kế toán	Tư pháp - Hộ tịch	Văn hóa - Xã hội		
				Lĩnh vực Địa chính	Lĩnh vực Xây dựng - NN - MT			Lĩnh vực Văn hóa	Lĩnh vực LĐ TBXH	
7	Xã Tri Trung	1					1			TP-HT: Luật.
8	Xã Hồng Minh	2	1				1			VP-TK: Hành chính, Luật, Quản trị Văn phòng, Văn thư - Lưu trữ, Công nghệ Thông tin, Thống kê; TP-HT: Luật.
9	Xã Tân Dân	1					1			TP-HT: Luật.
10	Xã Phượng Dực	1	1							VP-TK: Hành chính, Luật, Quản trị Văn phòng, Văn thư - Lưu trữ, Công nghệ Thông tin, Thống kê.
11	Xã Phú Yên	1					1			TP-HT: Luật.
12	Xã Bạch Hạ	1	1							VP-TK: Hành chính, Luật, Quản trị Văn phòng, Văn thư-Lưu trữ, Công nghệ Thông tin, Thống kê.
13	Xã Hồng Thái	2	1				1			VP-TK: Hành chính, Luật, Quản trị Văn phòng, Văn thư - Lưu trữ, Công nghệ Thông tin, Thống kê; TP-HT: Luật.
14	Xã Phúc Tiến	1					1			TP-HT: Luật.
15	Xã Sơn Hà	1					1			TP-HT: Luật.
16	Xã Văn Hoàng	1							1	VH-XH: Công tác xã hội, Quản trị nhân lực, Xã hội học, Bảo trợ xã hội, Quản lý nguồn nhân lực, Quản lý các vấn đề xã hội và chính sách xã hội.
17	Xã Quang Trung	1							1	VH-XH: Công tác xã hội, Quản trị nhân lực, Xã hội học Bảo trợ xã hội, Quản lý nguồn nhân lực, Quản lý các vấn đề xã hội và chính sách xã hội.
XX	Chương Mỹ	26	6	5	2	7	5	1	0	
1	Xã Đồng Lạc	2		1			1			ĐC-XD: Địa chính, Quản lý đất đai; TP-HT: Luật.
2	Xã Đồng Phú	1					1			TP-HT: Luật.
3	Xã Đông Phương Yên	2		1		1				ĐC-XD: Địa chính, Quản lý đất đai; TC-KT: Kế toán, Tài chính, Tài chính-Ngân hàng.
4	Xã Đông Sơn	1	1							VP-TK: Hành chính, Luật, Quản trị Văn phòng, Văn thư - Lưu trữ, Thống kê.
5	Xã Hoà Chính	1			1					ĐC-XD: Xây dựng, Môi trường.

STT	Xã, phường, thị trấn	TỔNG SỐ	Cụ thể về chỉ tiêu từng chức danh công chức cấp xã							Yêu cầu ngành, chuyên ngành đào tạo theo từng chức danh công chức cấp xã
			Văn phòng - Thống kê	Địa chính - Xây dựng		Tài chính - Kế toán	Tư pháp - Hộ tịch	Văn hóa - Xã hội		
				Lĩnh vực Địa chính	Lĩnh vực Xây dựng - NN - MT			Lĩnh vực Văn hóa	Lĩnh vực LĐ TBXH	
6	Xã Hoàng Văn Thụ	1				1				TC-KT: Kế toán, Tài chính, Tài chính-Ngân hàng.
7	Xã Hồng Phong	1	1							VP-TK: Hành chính, Luật, Quản trị Văn phòng, Văn thư - Lưu trữ, Thống kê.
8	Xã Hữu Văn	1					1			TP-HT: Luật.
9	Xã Lam Điền	1				1				TC-KT: Kế toán, Tài chính, Tài chính - Ngân hàng.
10	Xã Nam Phương Tiến	2	1			1				VP-TK: Hành chính, Luật, Quản trị Văn phòng, Văn thư - Lưu trữ, Thống kê; TC-KT: Kế toán, Tài chính, Tài chính - Ngân hàng.
11	Xã Ngọc Hoà	1	1							VP-TK: Hành chính, Luật, Quản trị Văn phòng, Văn thư - Lưu trữ, Thống kê.
12	Xã Phụng Châu	2	1			1				VP-TK: Hành chính, Luật, Quản trị Văn phòng, Văn thư - Lưu trữ, Thống kê; TC-KT: Kế toán, Tài chính, Tài chính-Ngân hàng.
13	Xã Tân Tiến	1				1				TC-KT: Kế toán, Tài chính, Tài chính - Ngân hàng.
14	Xã Thanh Bình	2		1				1		ĐC-XD: Địa chính, Quản lý đất đai; VH-XH: Quản lý Văn hóa, Văn hóa học.
15	Xã Thượng Vực	2			1		1			ĐC-XD: Xây dựng, Môi trường; TP-HT: Luật.
16	Xã Tiên Phương	1		1						ĐC-XD: Địa chính, Quản lý đất đai.
17	Xã Tốt Động	2		1		1				ĐC-XD: Địa chính, Quản lý đất đai; TC-KT: Kế toán, Tài chính, Tài chính-Ngân hàng.
18	Xã Văn Võ	2	1				1			VP-TK: Hành chính, Luật, Quản trị Văn phòng, Văn thư - Lưu trữ, Thống kê; TP-HT: Luật.
XXI	Thường Tín	21	0	0	0	0	8	8	5	
1	Xã Dũng Tiến	1							1	VH-XH: Công tác xã hội, Quản trị nhân lực.
2	Xã Hồng Vân	1					1			TP-HT: Luật.
3	Xã Hòa Bình	1							1	VH-XH: Công tác xã hội, Quản trị nhân lực.
4	Xã Khánh Hà	2					1		1	TP-HT: Luật; VH-XH: Quản trị nhân lực.
5	Xã Liên Phương	1						1		VH-XH: Quản lý văn hóa, Văn hóa học.

STT	Xã, phường, thị trấn	TỔNG SỐ	Cụ thể về chỉ tiêu từng chức danh công chức cấp xã							Yêu cầu ngành, chuyên ngành đào tạo theo từng chức danh công chức cấp xã
			Văn phòng - Thống kê	Địa chính - Xây dựng		Tài chính - Kế toán	Tư pháp - Hộ tịch	Văn hóa - Xã hội		
				Lĩnh vực Địa chính	Lĩnh vực Xây dựng - NN - MT			Lĩnh vực Văn hóa	Lĩnh vực LĐ TBXH	
6	Xã Minh Cường	1						1		VH-XH: Việt Nam học, Bảo tồn bảo tàng.
7	Xã Nhị Khê	1					1			TP-HT: Luật.
8	Xã Ninh Sở	1					1			TP-HT: Luật.
9	Xã Quất Động	1						1		VH-XH: Văn hóa - Du lịch, Văn hóa học.
10	Xã Tân Minh	1					1			TP-HT: Luật.
11	Xã Thắng Lợi	1						1		VH-XH: Việt Nam học, Bảo tồn Bảo tàng.
12	Thị trấn Thường Tín	1						1		VH-XH: Quản lý Văn hóa, Văn hóa học.
13	Xã Thống Nhất	1					1			TP-HT: Luật.
14	Xã Thư Phú	1					1			TP-HT: Luật.
15	Xã Tiền Phong	1						1		VH-XH: Việt Nam học, Bảo tồn bảo tàng.
16	Xã Tô Hiệu	1						1		VH-XH: Văn hóa - Du lịch.
17	Xã Vạn Điểm	1					1			TP-HT: Luật.
18	Xã Văn Phú	1							1	VH-XH: Công tác xã hội, Quản trị nhân lực.
19	Xã Văn Tự	2						1	1	VH-XH: 01: Quản lý văn hóa; 01: Công tác xã hội, Quản trị nhân lực.
XXII	Ứng Hòa	52	6	2	7	12	13	4	8	
1	Xã Viên An	2				1			1	TC-KT: Kế toán, Tài chính - Ngân hàng; VH-XH: Công tác xã hội, Quản trị nhân lực, Xã hội học, Quản lý nguồn nhân lực, Bảo trợ xã hội, Quản lý các vấn đề xã hội và chính sách xã hội.
2	Xã Viên Nội	1				1				TC-KT: Kế toán, Tài chính - Ngân hàng.
3	Xã Cao Thành	1						1		VH-XH: Đại học sư phạm, ngành Ngữ văn.
4	Xã Hoa Sơn	4	2		1	1				VP-TK: Hành chính, Luật, Quản trị văn phòng, Văn thư-lưu trữ, Công nghệ thông tin, Thống kê, Thống kê Kinh tế-xã hội; TC-KT: Kế toán, Tài chính ngân hàng; ĐC-XD: Xây dựng, kiến trúc, Môi trường.
5	Xã Trường Thịnh	1				1				TC-KT: Kế toán, Tài chính, Tài chính - Ngân hàng;

STT	Xã, phường, thị trấn	TỔNG SỐ	Cụ thể về chỉ tiêu từng chức danh công chức cấp xã						Yêu cầu ngành, chuyên ngành đào tạo theo từng chức danh công chức cấp xã	
			Văn phòng - Thống kê	Địa chính - Xây dựng		Tài chính - Kế toán	Tư pháp - Hộ tịch	Văn hóa - Xã hội		
				Lĩnh vực Địa chính	Lĩnh vực Xây dựng - NN - MT			Lĩnh vực Văn hóa		Lĩnh vực LĐ TBXH
6	Xã Quảng Phú Cầu	2			1		1		ĐC-XD: Xây dựng, kiến trúc, Môi trường; TP-HT:	
7	Xã Liên Bạt	2			1		1		TP-HT: Luật; ĐC-XD: Xây dựng, kiến trúc, Môi trường.	
8	Thị trấn Văn Đình	1					1		TP-HT: Luật.	
9	Xã Sơn Công	4			1	1		1	VH-XH: Quản lý văn hóa, Văn hóa học, Việt nam học, Bảo tồn bảo tàng, Văn hóa du lịch; ĐC-XD: Xây dựng, kiến trúc, Môi trường; TC-KT: Kế toán, Tài chính Ngân hàng; TP-HT: Luật.	
10	Xã Đồng Tiến	3	1		1		1		VP-TK: Hành chính, luật, Quản trị văn phòng, Văn thư-lưu trữ, Công nghệ thông tin, Thống kê, Thống kê Kinh tế-xã hội; ĐC-XD: Xây dựng, kiến trúc, Môi trường; TP-HT: Luật.	
11	Xã Vạn Thái	1					1		TP-HT: Luật.	
12	Xã Hòa Phú	2					1	1	TP-HT: Luật; ; VH-XH: Công tác xã hội, Quản trị nhân lực, Xã hội học, Quản lý nguồn nhân lực, Bảo trợ xã hội, Quản lý các vấn đề xã hội và chính sách xã hội.	
13	Xã Phù Lưu	1					1		TP-HT: Luật.	
14	Xã Lưu Hoàng	2				1	1		TC-KT: Kế toán, tài chính, tài chính ngân hàng; TP-HT: Luật.	
15	Xã Hồng Quang	2				1		1	TC-KT: Kế toán, Tài chính ngân hàng; VH-XH: Quản lý văn hóa, Văn hóa học, Việt nam học, Bảo tồn bảo tàng, Văn hóa du lịch.	

STT	Xã, phường, thị trấn	TỔNG SỐ	Cụ thể về chỉ tiêu từng chức danh công chức cấp xã							Yêu cầu ngành, chuyên ngành đào tạo theo từng chức danh công chức cấp xã
			Văn phòng - Thống kê	Địa chính - Xây dựng		Tài chính - Kế toán	Tư pháp - Hộ tịch	Văn hóa - Xã hội		
				Lĩnh vực Địa chính	Lĩnh vực Xây dựng - NN - MT			Lĩnh vực Văn hóa	Lĩnh vực LĐ TBXH	
16	Xã Đội Bình	4	1	1		1		1		ĐC-XD: Địa chính hoặc Quản lý đất đai; TC-KT: Kế toán, tài chính, tài chính ngân hàng; VH-XH: Quản lý văn hóa, Văn hóa học, Việt nam học, Bảo tồn bảo tàng, Văn hóa du lịch; VP-TK: Hành chính, luật, Quản trị văn phòng, Văn thư-lưu trữ, Công nghệ thông tin, Thống kê, Thống kê Kinh tế-xã hội.
17	Xã Phương Tú	3	1				1		1	TP-HT: Luật; VH-XH: Công tác xã hội, Quản trị nhân lực, Xã hội học, Quản lý nguồn nhân lực, Bảo trợ xã hội, Quản lý các vấn đề xã hội và chính sách xã hội; TP-HT: Luật.
18	Xã Trung tú	1		1						ĐC-XD: Địa chính hoặc Quản lý đất đai.
19	Xã Hòa Lâm	3				1	1		1	TC-KT: Kế toán, Tài chính, Tài chính ngân hàng; TP-HT: Luật; VH-XH: Công tác xã hội, Quản trị nhân lực, Xã hội học, Quản lý nguồn nhân lực, Bảo trợ xã hội, Quản lý các vấn đề xã hội và chính sách xã hội.
20	Xã Trầm Lộng	2					1		1	VH-XH: Công tác xã hội, Quản trị nhân lực, Xã hội học, Quản lý nguồn nhân lực, Bảo trợ xã hội, Quản lý các vấn đề xã hội và chính sách xã hội; TP-HT: Luật.
21	Xã Kim Đường	3				1	1		1	TC-KT: Kế toán, tài chính, tài chính ngân hàng; VH-XH: Công tác xã hội, Quản trị nhân lực, Xã hội học, Quản lý nguồn nhân lực, Bảo trợ xã hội, Quản lý các vấn đề xã hội và chính sách xã hội; TP-HT: Luật.
22	Xã Minh Đức	3			1	1			1	TC-KT: Kế toán,Tài chính ngân hàng; ĐC-XD: Xây dựng,Kiến trúc, Môi trường; VH-XH: Công tác xã hội, Quản trị nhân lực, Xã hội học, Quản lý nguồn nhân lực, Bảo trợ xã hội, Quản lý các vấn đề xã hội và chính sách xã hội.
23	Xã Đại Hùng	1	1							VP-TK: Hành chính, Luật, Quản trị văn phòng, Văn thư-lưu trữ, Công nghệ thông tin, Thống kê, Thống kê Kinh tế-xã hội;
24	Xã Đại Cường	1			1					ĐC-XD: Xây dựng, Kiến trúc, Môi trường.

STT	Xã, phường, thị trấn	TỔNG SỐ	Cụ thể về chỉ tiêu từng chức danh công chức cấp xã							Yêu cầu ngành, chuyên ngành đào tạo theo từng chức danh công chức cấp xã
			Văn phòng - Thống kê	Địa chính - Xây dựng		Tài chính - Kế toán	Tư pháp - Hộ tịch	Văn hóa - Xã hội		
				Lĩnh vực Địa chính	Lĩnh vực Xây dựng - NN - MT			Lĩnh vực Văn hóa	Lĩnh vực LĐ TBXH	
25	Xã Tảo Dương Văn	2				1	1			TC-KT: Kế toán, Tài chính, Tài chính ngân hàng; TP-HT: Luật.
XXIII	Mê Linh	24	5	2	2	9	5	1	0	
1	Thị trấn Chi Đông	2	1	1						VP-TK: Luật, Hành chính, Quản trị Văn phòng; ĐC-XD: Địa chính, Quản lý đất đai.
2	Xã Đại Thịnh	1				1				TC-KT: Tài chính - Kế toán.
3	Xã Hoàng Kim	3		1		1	1			ĐC-XD: Quản lý đất đai; TC-KT: Kế toán; TP-HT: Luật.
4	Xã Kim Hoa	2			1	1				TC-KT: Kế toán; ĐC-XD: Quản lý đất đai.
5	Xã Liên Mạc	1				1				TC-KT: Kế toán.
6	Xã Mê Linh	2			1	1				ĐC-XD: Xây dựng; TC-KT: Kế toán.
7	Thị trấn Quang Minh	1					1			TP-HT: Luật.
8	Xã Tam Đồng	1				1				TC-KT: Kế toán.
9	Xã Thạch Đà	1					1			TP-HT: Luật.
10	Xã Thanh Lâm	1				1				TC-KT: Kế toán.
11	Xã Tiên Phong	2					1	1		TP-HT: Luật; VH-XH: Quản lý Văn hóa.
12	Xã Tiến Thắng	3	2			1				VP-TK: 01: Hành chính; 01: Văn thư Lưu trữ; TC-KT: Kế toán.
13	Xã Tráng Việt	1					1			TP-HT: Luật.
14	Xã Tự Lập	2	1			1				VP-TK: Thống kê; TC-KT: Tài chính - Ngân hàng.
15	Xã Văn Khê	1	1							VP-TK: Hành chính, Luật, Quản trị Văn phòng, Văn thư - Lưu trữ, Công nghệ thông tin, Thống kê, Thống kê Kinh tế - xã hội.
XXIV	Mỹ Đức	19	0	1	1	6	8	1	2	
1	Xã Đồng Tâm	1					1			TP-HT: Luật.
2	Xã Thượng Lâm	1					1			TP-HT: Luật.

STT	Xã, phường, thị trấn	TỔNG SỐ	Cụ thể về chỉ tiêu từng chức danh công chức cấp xã							Yêu cầu ngành, chuyên ngành đào tạo theo từng chức danh công chức cấp xã
			Văn phòng - Thống kê	Địa chính - Xây dựng		Tài chính - Kế toán	Tư pháp - Hộ tịch	Văn hóa - Xã hội		
				Lĩnh vực Địa chính	Lĩnh vực Xây dựng - NN - MT			Lĩnh vực Văn hóa	Lĩnh vực LĐ TBXH	
3	Xã Tuy Lai	1							1	VH-XH: Công tác xã hội, Quản trị nhân lực, Xã hội học, Quản lý nguồn nhân lực, Bảo trợ xã hội, Quản lý các vấn đề xã hội và chính sách xã hội.
4	Xã Phúc Lâm	2					1	1		TP-HT: Luật; VH-XH: Quản lý Văn hóa, Văn hóa học, Việt Nam học, Bảo tồn Bảo tàng, Văn hóa - Du lịch.
5	Xã Bột Xuyên	2				1	1			TP-HT: Luật; TC-KT: Kế toán.
6	Xã An Mỹ	1		1						ĐC-XD: Quản lý đất đai, Địa chính.
7	Xã Hồng Sơn	1							1	VH-XH: Công tác xã hội, Quản trị nhân lực, Xã hội học, Quản lý nguồn nhân lực, Bảo trợ xã hội, Quản lý các vấn đề xã hội và chính sách xã hội.
8	Xã Lê Thanh	1					1			TP-HT: Luật.
9	Xã Xuy Xá	2				1	1			TC-KT: Tài chính, Kế toán, Tài chính - Ngân hàng; TP-HT: Luật.
10	Xã Phùng Xá	1				1				TC-KT: Kế toán.
11	Xã Đại Hưng	1				1				TC-KT: Kế toán.
12	Xã Hương Sơn	1				1				TC-KT: Kế toán.
13	Xã Hùng Tiến	2			1		1			ĐC-XD: Xây dựng, Kiến trúc, Đô thị, Môi trường; TP-HT: Luật.
14	Xã Hợp Tiến	1					1			TP-HT: Luật.
15	Xã Hợp Thanh	1				1				TC-KT: Kế toán.
	TỔNG CỘNG:	655	154	60	63	151	130	44	53	